

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: 2 – Năm học: 2022 – 2023

Môn học/Nhóm: Bóng chuyền 1 – Nhóm 07
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

STT	Mã HS, SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP.1	BP.2	BP.3	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2122170112	Trần Tấn An	25/03/2004	CCQ2217C	10	8	9	9.0	
2	2122170135	Cao Hoài Bảo	02/01/2003	CCQ2217D	10	8	9	9.0	
3	2122170143	Nguyễn Quốc Bảo	24/08/2004	CCQ2217D	0	0	0	0.0	Nghĩ
4	2122170123	Trần Quốc Bảo	09/08/2004	CCQ2217C	10	8	9	9.0	
5	2122170162	Nguyễn Hữu Bằng	26/01/2004	CCQ2217D	5	8	9	8.2	
6	2122170092	Đỗ Minh Chiến	06/07/2004	CCQ2217C	0	0	0	0.0	Nghĩ
7	2122170102	Võ Thành Công	29/11/2004	CCQ2217C	10	8	9	9.0	
8	2122170101	Đào Tiến Dũng	01/10/2004	CCQ2217C	10	8	9	9.0	
9	2122170095	Trần Thanh Duy	23/11/2004	CCQ2217C	10	7	9	8.8	
10	2122170155	Nguyễn Vũ Hồng Dương	22/10/2004	CCQ2217D	10	7	9	8.8	
11	2122170110	Nguyễn Võ Quang Đăng	03/10/2003	CCQ2217C	5	8	9	8.2	
12	2122170115	Ngô Đăng Đông	24/08/2004	CCQ2217C	5	8	9	8.2	
13	2122170100	Nguyễn Xuân Giang	02/08/2004	CCQ2217C	8	7	9	8.5	
14	2122170140	Nguyễn Nguyên Giáp	24/06/2004	CCQ2217D	8	7	9	8.5	
15	2122170107	Nguyễn Hồ Thu Hà	11/08/2004	CCQ2217C	10	7	9	8.8	
16	2122170091	Hồ Đức Hải	31/03/2004	CCQ2217C	0	0	0	0.0	Nghĩ
17	2122170087	Trần Minh Hải	29/07/2004	CCQ2217C	10	7	9	8.8	
18	2122170156	Đặng Hữu Hào	14/09/2004	CCQ2217D	0	0	0	0.0	Nghĩ
19	2122170133	Đỗ Trung Hậu	01/02/2004	CCQ2217D	8	7	9	8.5	

STT	Mã HS, SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP.1	BP.2	BP.3	Điểm quá trình	Ghi chú
20	2122170108	Nguyễn Văn Hậu	18/02/2004	CCQ2217C	10	6	8	8.0	
21	2122170088	Nguyễn Văn Hiền	05/02/2004	CCQ2217C	0	0	0	0.0	Nghĩ
22	2122170137	Nguyễn Thế Hiệp	17/06/2004	CCQ2217D	10	6	8	8.0	
23	2122170158	Phan Phạm Minh Hiếu	01/10/2004	CCQ2217D	8	6	8	7.7	
24	2122170136	Thái Trung Hiếu	28/09/2004	CCQ2217D	10	6	8	8.0	
25	2122170125	Hồ Thanh Hồ	03/03/2004	CCQ2217D	0	0	0	0.0	Nghĩ
26	2122170098	Lê Thái Hồ	14/02/2004	CCQ2217C	0	0	0	0.0	Nghĩ
27	2122170120	Lê Chí Hùng	12/07/2004	CCQ2217C	10	6	8	8.0	
28	2122170127	Nguyễn Phi Hùng	27/10/2003	CCQ2217D	10	6	8	8.0	
29	2122170113	Chau Minh Huy	26/08/2004	CCQ2217C	5	8	6	6.2	
30	2122170121	Lê Dũng Hưng	17/06/2004	CCQ2217C	0	0	0	0.0	Nghĩ
31	2122170160	Vũ Khánh Hưng	06/06/2004	CCQ2217D	5	8	6	6.2	
32	2122170090	Huỳnh Thái Khang	30/05/2004	CCQ2217C	8	8	6	6.7	
33	2122170105	Phạm Văn Khánh	10/07/2004	CCQ2217C	10	8	6	7.0	
34	2122170104	Trần Văn Khánh	09/03/2004	CCQ2217C	10	8	6	7.0	
35	2122170083	Trần Thế Kiệt	07/09/2004	CCQ2217C	5	8	6	6.2	
36	2122170161	Trần Ngọc Liêm	11/09/2004	CCQ2217D	6	8	6	6.3	
37	2122170085	Huỳnh Nhựt Minh	12/11/2003	CCQ2217C	10	8	6	7.0	
38	2122170111	Lê Hoài Nam	06/06/2004	CCQ2217C	0	0	0	0.0	Nghĩ
39	2122170150	Nguyễn Văn Nam	20/06/2003	CCQ2217D	10	9	7	7.8	
40	2122170094	Trần Nhật Nam	18/01/2004	CCQ2217C	5	8	6	6.2	
41	2122170114	Trần Quốc Nghĩa	19/09/2004	CCQ2217C	8	9	7	7.5	
42	2122170086	Trần Trí Nguyên	03/10/2004	CCQ2217C	10	9	7	7.8	
43	2122170096	Nguyễn Minh Nhật	19/04/2004	CCQ2217C	5	9	7	7.0	
44	2122170139	Nông Ngọc Phú	10/01/2004	CCQ2217D	8	9	7	7.5	
45	2122170134	Trần Văn Phú	02/10/2004	CCQ2217D	8	9	7	7.5	
46	2122170109	Võ Triệu Phú	07/10/2004	CCQ2217C	10	9	7	7.8	
47	2122170106	Nguyễn Hoàng Phúc	11/03/2004	CCQ2217C	0	0	0	0.0	Nghĩ
48	2122170138	Phan Thành Phước	12/12/2004	CCQ2217D	5	9	7	7.0	

STT	Mã HS, SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP.1	BP.2	BP.3	Điểm quá trình	Ghi chú
49	2122170141	Nguyễn Duy Quang	22/05/2004	CCQ2217D	8	9	7	7.5	
50	2122170116	Trương Lê Quang	29/12/2004	CCQ2217C	0	0	0	0.0	Nghĩ
51	2122170145	Nguyễn Mạnh Quỳnh	23/09/2003	CCQ2217D	5	8	8	7.5	
52	2122170159	Lê Thanh Sang	20/06/2004	CCQ2217D	5	8	8	7.5	
53	2122170103	Nguyễn Thành Sang	29/12/2003	CCQ2217C	10	8	8	8.3	
54	2122170152	Đinh Thế Sơn	09/11/2004	CCQ2217D	8	8	8	8.0	
55	2122170163	Đỗ Trọng Tài	04/05/2004	CCQ2217D	0	0	0	0.0	Nghĩ
56	2122170148	Hoàng Tấn Tài	11/08/2004	CCQ2217D	8	8	8	8.0	
57	2122170084	Đoàn Thanh Thanh	02/10/2004	CCQ2217C	5	8	8	7.5	
58	2122170093	Phan Văn Thành	25/06/2003	CCQ2217C	10	8	8	8.3	
59	2122170128	Lê Thân Thi	19/12/2004	CCQ2217D	5	8	8	7.5	
60	2122170149	Huỳnh Châu Thịnh	27/10/2004	CCQ2217D	5	7	7	6.7	
61	2122170118	Lê Nguyễn Trường Thịnh	22/02/2004	CCQ2217C	5	7	7	6.7	
62	2122170117	Nguyễn Hữu Thịnh	20/01/2004	CCQ2217C	5	7	7	6.7	
63	2122170089	Trần Văn Thịnh	04/01/2001	CCQ2217C	0	0	0	0.0	Nghĩ
64	2122170131	Trương Huy Thịnh	14/10/2004	CCQ2217D	5	7	7	6.7	
65	2122170151	Đào Bảo Thương	06/11/2004	CCQ2217D	8	7	7	7.2	
66	2122170122	Đoàn Văn Tín	30/05/2004	CCQ2217C	9	7	7	7.3	
67	2122170129	Nguyễn Phan Anh Tuấn	24/01/2004	CCQ2217D	10	7	7	7.5	
68	2122170144	Nguyễn Tiến Tùng	03/04/2003	CCQ2217D	5	7	7	6.7	
69	2122170142	Nguyễn Khanh Vân	11/12/2004	CCQ2217D	8	7	7	7.2	
70	2122170147	Lê Quang Vinh	29/02/2004	CCQ2217D	8	7	7	7.2	

TP. HCM, Ngày 10 tháng 4 năm 2023

Giảng viên

Nguyễn Thanh Bình

STT	Mã HS, SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP.1	BP.2	BP.3	Điểm quá trình	Ghi chú
-----	-----------	-----------	-----------	---------	------	------	------	-------------------	---------

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN
Học kỳ: 2 – Năm học: 2021 – 2022

Môn học/Nhóm: Bóng chuyền 1 – Nhóm 07
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

Số tín chỉ: 02

STT	Mã HS, SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2122170112	Trần Tấn An	25/03/2004	CCQ2217C	9.0	10	9.6	
2	2122170135	Cao Hoài Bảo	02/01/2003	CCQ2217D	9.0	8	8.4	
3	2122170143	Nguyễn Quốc Bảo	24/08/2004	CCQ2217D	0.0	0	0.0	Nghĩ
4	2122170123	Trần Quốc Bảo	09/08/2004	CCQ2217C	9.0	7	7.8	
5	2122170162	Nguyễn Hữu Bằng	26/01/2004	CCQ2217D	8.2	7	7.5	
6	2122170092	Đỗ Minh Chiến	06/07/2004	CCQ2217C	0.0	0	0.0	Nghĩ
7	2122170102	Võ Thành Công	29/11/2004	CCQ2217C	9.0	4	6.0	
8	2122170101	Đào Tiến Dũng	01/10/2004	CCQ2217C	9.0	4	6.0	
9	2122170095	Trần Thanh Duy	23/11/2004	CCQ2217C	8.8	6	7.1	
10	2122170155	Nguyễn Vũ Hồng Dương	22/10/2004	CCQ2217D	8.8	8	8.3	
11	2122170110	Nguyễn Võ Quang Đăng	03/10/2003	CCQ2217C	8.2	6	6.9	
12	2122170115	Ngô Đăng Đông	24/08/2004	CCQ2217C	8.2	6	6.9	
13	2122170100	Nguyễn Xuân Giang	02/08/2004	CCQ2217C	8.5	5	6.4	
14	2122170140	Nguyễn Nguyên Giáp	24/06/2004	CCQ2217D	8.5	4	5.8	
15	2122170107	Nguyễn Hồ Thu Hà	11/08/2004	CCQ2217C	8.8	8	8.3	
16	2122170091	Hồ Đức Hải	31/03/2004	CCQ2217C	0.0	0	0.0	Nghĩ
17	2122170087	Trần Minh Hải	29/07/2004	CCQ2217C	8.8	6	7.1	
18	2122170156	Đặng Hữu Hào	14/09/2004	CCQ2217D	0.0	0	0.0	Nghĩ
19	2122170133	Đỗ Trung Hậu	01/02/2004	CCQ2217D	8.5	8	8.2	
20	2122170108	Nguyễn Văn Hậu	18/02/2004	CCQ2217C	8.0	7	7.4	

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
21	2122170088	Nguyễn Văn	Hiền	05/02/2004	CCQ2217C	0.0	0	0.0	Nghĩ
22	2122170137	Nguyễn Thê	Hiệp	17/06/2004	CCQ2217D	8.0	5	6.2	
23	2122170158	Phan Phạm Minh	Hiếu	01/10/2004	CCQ2217D	7.7	8	7.9	
24	2122170136	Thái Trung	Hiếu	28/09/2004	CCQ2217D	8.0	4	5.6	
25	2122170125	Hồ Thanh	Hồ	03/03/2004	CCQ2217D	0.0	0	0.0	Nghĩ
26	2122170098	Lê Thái	Hồ	14/02/2004	CCQ2217C	0.0	0	0.0	Nghĩ
27	2122170120	Lê Chí	Hùng	12/07/2004	CCQ2217C	8.0	6	6.8	
28	2122170127	Nguyễn Phi	Hùng	27/10/2003	CCQ2217D	8.0	6	6.8	
29	2122170113	Chau Minh	Huy	26/08/2004	CCQ2217C	6.2	6	6.1	
30	2122170121	Lê Dũng	Hung	17/06/2004	CCQ2217C	0.0	0	0.0	Nghĩ
31	2122170160	Vũ Khánh	Hung	06/06/2004	CCQ2217D	6.2	5	5.5	
32	2122170090	Huỳnh Thái	Khang	30/05/2004	CCQ2217C	6.7	7	6.9	
33	2122170105	Phạm Văn	Khánh	10/07/2004	CCQ2217C	7.0	6	6.4	
34	2122170104	Trần Văn	Khánh	09/03/2004	CCQ2217C	7.0	0	2.8	Vắng Thi
35	2122170083	Trần Thê	Kiệt	07/09/2004	CCQ2217C	6.2	9	7.9	
36	2122170161	Trần Ngọc	Liêm	11/09/2004	CCQ2217D	6.3	7	6.7	
37	2122170085	Huỳnh Nhựt	Minh	12/11/2003	CCQ2217C	7.0	5	5.8	
38	2122170111	Lê Hoài	Nam	06/06/2004	CCQ2217C	0.0	0	0.0	Nghĩ
39	2122170150	Nguyễn Văn	Nam	20/06/2003	CCQ2217D	7.8	7	7.3	
40	2122170094	Trần Nhật	Nam	18/01/2004	CCQ2217C	6.2	8	7.3	
41	2122170114	Trần Quốc	Nghĩa	19/09/2004	CCQ2217C	7.5	5	6.0	
42	2122170086	Trần Trí	Nguyên	03/10/2004	CCQ2217C	7.8	10	9.1	
43	2122170096	Nguyễn Minh	Nhật	19/04/2004	CCQ2217C	7.0	5	5.8	
44	2122170139	Nông Ngọc	Phú	10/01/2004	CCQ2217D	7.5	8	7.8	
45	2122170134	Trần Văn	Phú	02/10/2004	CCQ2217D	7.5	7	7.2	
46	2122170109	Võ Triệu	Phú	07/10/2004	CCQ2217C	7.8	7	7.3	
47	2122170106	Nguyễn Hoàng	Phúc	11/03/2004	CCQ2217C	0.0	0	0.0	Nghĩ
48	2122170138	Phan Thành	Phước	12/12/2004	CCQ2217D	7.0	9	8.2	
49	2122170141	Nguyễn Duy	Quang	22/05/2004	CCQ2217D	7.5	8	7.8	

STT	Mã HS, SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
50	2122170116	Trương Lê Quang	29/12/2004	CCQ2217C	0.0	0	0.0	Nghĩ
51	2122170145	Nguyễn Mạnh Quỳnh	23/09/2003	CCQ2217D	7.5	7	7.2	
52	2122170159	Lê Thanh Sang	20/06/2004	CCQ2217D	7.5	6	6.6	
53	2122170103	Nguyễn Thành Sang	29/12/2003	CCQ2217C	8.3	3	5.1	
54	2122170152	Đinh Thế Sơn	09/11/2004	CCQ2217D	8.0	8	8.0	
55	2122170163	Đỗ Trọng Tài	04/05/2004	CCQ2217D	0.0	0	0.0	Nghĩ
56	2122170148	Hoàng Tấn Tài	11/08/2004	CCQ2217D	8.0	4	5.6	
57	2122170084	Đoàn Thanh Thanh	02/10/2004	CCQ2217C	7.5	9	8.4	
58	2122170093	Phan Văn Thành	25/06/2003	CCQ2217C	8.3	6	6.9	
59	2122170128	Lê Thân Thi	19/12/2004	CCQ2217D	7.5	10	9.0	
60	2122170149	Huỳnh Châu Thịnh	27/10/2004	CCQ2217D	6.7	4	5.1	
61	2122170118	Lê Nguyễn Trường Thịnh	22/02/2004	CCQ2217C	6.7	7	6.9	
62	2122170117	Nguyễn Hữu Thịnh	20/01/2004	CCQ2217C	6.7	7	6.9	
63	2122170089	Trần Văn Thịnh	04/01/2001	CCQ2217C	0.0	0	0.0	Nghĩ
64	2122170131	Trương Huy Thịnh	14/10/2004	CCQ2217D	6.7	8	7.5	
65	2122170151	Đào Bảo Thương	06/11/2004	CCQ2217D	7.2	4	5.3	
66	2122170122	Đoàn Văn Tín	30/05/2004	CCQ2217C	7.3	7	7.1	
67	2122170129	Nguyễn Phan Anh Tuấn	24/01/2004	CCQ2217D	7.5	5	6.0	
68	2122170144	Nguyễn Tiến Tùng	03/04/2003	CCQ2217D	6.7	8	7.5	
69	2122170142	Nguyễn Khanh Vân	11/12/2004	CCQ2217D	7.2	8	7.7	
70	2122170147	Lê Quang Vinh	29/02/2004	CCQ2217D	7.2	6	6.5	

TP. HCM, Ngày 10 tháng 4 năm 2023

Giảng viên

Nguyễn Thanh Bình